|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN CHỢ ĐỒN**Số: /BC- UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Chợ Đồn, ngày tháng 01 năm 2023* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 đối với xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn**

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới*

*Căn cứ Quyết định số1304/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 -2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 661/HD-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 -2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số735/HD-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh hướng dẫn phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chícông nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Bắc Kạngiai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 29/3/2023 Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Đồn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Chợ Đồn năm 2023;*

 *Căn cứ đề nghị của UBND xã Bằng Lãng tại Tờ trình số 621/TTr-UBND ngày 29/12/2023,*

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn xã Bằng Lãng, Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Đồn báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2023 đối với xã Bằng Lãng như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 09 - 12 tháng 01 năm 2023

1. Về hồ sơ:

- Tờ trình số 621/TTr-UBND ngày 29/12/2023 của Uỷ ban nhân dân xã Bằng Lãng về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Bằng Lãng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023;

- Báo cáo số 620/BC-UBND ngày 29/12/2023 của Uỷ ban nhân dân xã Bằng Lãng về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2023 của xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Băc Kạn;

- Báo cáo số 600/BC-UBND ngày 19/12/2023 của Uỷ ban nhân dân xã Bằng Lãng tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2023 của xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Biên bản cuộc họp của UBND xã Bằng Lãng đề nghị xét, công nhận xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023;

- Văn bản số 618/UBND ngày 27/12/2023 của Uỷ ban nhân dân xã Bắng Lãng về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Các biểu mẫu, văn bản, tài liệu chứng minh đạt tiêu chí.

**2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới**

Thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên, UBND xã đã ban hành kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 27/3/2023 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Bằng Lãng; tổ chức họp đánh giá cụ thể những tiêu chí chưa đạt và đưa ra giải pháp, đồng thời giao nhiệm vụ cho từng cán bộ, công chức và các ban ngành đoàn thể xã phụ trách những tiêu chí nhỏ trong bộ tiêu chí phối hợp với thôn tiến hành rà soát, đánh giá thực tế các tiêu chí tại các thôn và hướng dẫn, xây dựng kế hoạch thực hiện từng tiêu chí được phân công phụ trách đảm bảo cuối năm đạt chuẩn NTM với mục tiêu tập trung khai thác hiệu quả lợi thế, tiềm năng của địa phương; đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Tiếp tục xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế nông thôn, vùng dân tộc thiểu số hiệu quả và bền vững. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đồng bộ; hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Để chương trình xây dựng nông thôn mới được thực hiện thường xuyên, liên tục trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý, giám sát, UBND xã kiện toàn Ban quản lý khi có sự thay đổi về nhân sự, đảm bảo đủ số lượng, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, phân công phụ trách các thôn theo Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2023 của UBND xã Bằng Lãng về việc thành lập Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Bằng Lãng, giai đoạn 2021- 2025 gồm 27 thành viên bao gồm cán bộ, công chức cấp xã, trạm trưởng trạm y tế xã, hiệu trưởng 02 trường học và các ông, bà trưởng thôn.

Công tác triển khai các văn bản được thường xuyên, kịp thời từ xã đến thôn thông qua các cuộc họp giao ban, hội nghị, các cuộc họp thôn, sinh hoạt chi bộ, chi hội đoàn thể và qua hệ thống loa truyền thanh của thôn. Ban Quản lý xã thường xuyên kiểm tra các tiêu chí chưa đạt, có giải pháp cụ thể, tập trung quyết liệt để đạt các tiêu chí theo tiến độ đề ra.

**3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới**

**3.1. Tiêu chí số 1: *Quy hoạch***

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Xã đã được phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chung xây dựng xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của UBND huyện Chợ Đồn

- Xã đã lập xong Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2030 và được HĐND xã Bằng Lãng thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 27/11/2023;

- Hiện xã đang trình Uỷ ban nhân dân huyện thẩm định và phê duyệt Đồ án theo Tờ trình số 646/TTr-UBND ngày 30/11/2023 của UBND xã Bằng Lãng về việc thẩm định đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2030.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

- Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, có đường xanh, sạch, đẹp đạt từ 80% trở lên.

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm,có đường xanh, sạch, đẹp đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa đạt từ 30% trở lên.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt từ 70% trở lên.

- Có Tổ quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng đường ở từng thôn theo quy định.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Tổng số chiều dài đường trục xã: 23,3 km; trong đó được nhựa hoá, bê tông hóa 23,3km; đạt100%;

- Tổng số chiều dài đường trục thôn, liên thôn: 7,5km; trong đó được cứng hoá 7,5km, đạt100%;

- Tổng số chiều dài đường ngõ xóm: 7,747km; Các tuyến đường đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa, số đã được bê tông hóa: 2,597km đạt 33,52%

- Đường trục chính nội đồng có tổng chiều dài 36,553km về cơ bản không lầy lội vào mùa mưa, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm trên 70%.

- Có Tổ quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng đường ở 10/10 thôn theo quy định.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.3. Tiêu chí số 3: Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tổng số diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch là: 153,63 ha, trong đó diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới chủ động 153,63 ha, đạt 100%.

- Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xã có 37 công trình đậpkênh, với tổng chiều dài kênh mương: 17,15 km, đã kiên cố hóa 13,65 km đạt 79,6%. Hàng năm đều chủ động đủ nước tưới cho sản xuất.

- Xã có Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN kiện toàn tại Quyết định số 76a/QĐ-UBND ngày 2/6/2023 của UBND xã Bằng Lãng do Chủ tịch UBND làm Trưởng ban; Phó Chủ tịch UBND làm Phó trưởng ban thường trực; Chỉ huy trưởng Quân sự xã, CC Địa chính - NL- &MT làm Phó trưởng ban.

- Hàng năm có phương án phòng, chống thiên tai của xã, tổ chức rà soát các điểm sung yếu để có giải pháp phòng chống, di dời dân đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.4.Tiêu chí số 4:Điện**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Hệ thống điện đạt chuẩn.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt ≥ 95% trở lên.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Hiện nay trên địa bàn xã hiện có 10 trạm biến áp (trong đó) 02 trạm phục vụ cho mỏ khoáng sản Bản Lắc, Nà Khắt. Hệ thống điện lưới quốc gia đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện sản xuất và thắp sáng của nhân dân, có các đường dây trung áp, hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân. Đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn năng lượng sử dụng cho các thiết bị sản xuất, sinh hoạt, chiếu sáng trong gia đình.

 - Tỷ lệ hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn: 456/465 hộ, đạt 98,1%.

- Trên địa bàn xã đã có 10/10 thôn có hệ thống điện thắp sáng chiếu sáng đường quê từ nguồn xã hội hóa.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.5. Tiêu chí số 5: Trường học**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

Xã đạt chuẩn tiêu chí về Trường học khi có tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định, cụ thể:

- Các xã có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1.

- Các xã có từ 3 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***\* Trường Mầm non***

- Trên địa bàn xã có một trường mầm non.

- Trường mầm non Bằng Lãng được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

***\* Trường Tiểu học:***

- Trên địa bàn xã có 01 trường Tiểu học;

- Trường tiểu học Bằng Lãng chưa đạt chuẩn cơ sở vật chất, đã có kế hoạch đầu tư xây dựng trong năm 2024.

Nhà trường được giao chỉ tiêu 15 cán bộ, giáo viên và nhân viên, có mặt 15; không có hợp đồng lao động; Toàn trường có 107 học sinh/6 lớp.

+ Hiện trạng diện tích đất điểm trường chí là 7.472 m2 ; Diện tích sử dụng đất bình quân 63,8 m2 /1 học sinh.

+ Số phòng làm việc cán bộ, giáo viên: 02 phòng/1 điểm trường.

+ Phòng phục vụ học tập: 6 phòng.

+ Phòng TB-TV: 01 phòng

+ Phòng hoạt động Đội: 01 phòng

+ Phòng nghỉ trưa học sinh: 03 phòng

+ Phòng ăn: 01 phòng;

+ Nhà bếp: 01 nhà

+ Khu vệ sinh: 02 khu.

+ Phòng kho: 01 phòng

+ Khuôn viên: Có cổng, tường rào, nhà để xe: có khuôn viên, cổng, nhà để xe, có tường rào.

+ Thiết bị dạy học: Đảm bảo cho dạy và học.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.6. Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hoá**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Nhà văn hoá xã, hội trường đa năng xã: đã được xây dựng làm mới trong 2020 có quy mô 100 chỗ ngồi trang bị đầy đủ trang thiết bị.

- Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định (sân VH xã): Sân thể thao xã đã được quy hoạch và được giao kế hoạch vốn để đầu tư xây dựng trong năm 2024.

- Tổng số nhà văn hoá thôn hiện nay 8/10 nhà xây loại C cấp 4 được xây mới đạt chuẩn theo chương trình, được trang bị bộ trang trí khánh tiết, loa đài, bàn ghế phục vụ sinh hoạt; 02 nhà đang xây dựng dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng trong quý I năm 2024.

 - Sân thể thao thôn: Các thôn đều có quy hoạch sân thể thao, trong đó có 5/10 thôn đã xây dựng sân thể thao đơn giản.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.7. Tiêu chí số 7 - *Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn***

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** Xã đạt chuẩn tiêu chí về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong các nội dung sau:

- Có chợ nông thôn nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển, định hướng phát triển và đạt chuẩn theo quy định.

- Trường hợp xã không có chợ nông thôn: Có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Xã không có chợ nằm trong quy hoạch.

- Trên địa bàn xã có các cửa hàng kinh doanh tổng hợp phục vụ nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.8. Tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** Xã đạt chuẩn tiêu chí về Thông tin và Truyền thông khi đáp ứng đủ 04 yêu cầu:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính.

- Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính có mặt bằng, trang thiết bị, biển tên và niêm yết giờ phục vụ,... đảm bảo cung ứng các dịch vụ như dịch vụ thư, dịch vụ gói, kiện hàng hóa...

- Viễn thông, internet: Hiện tại các thôn trên địa bàn xã đều đã được phủ sóng điện thoại thoại di động, điện thoại để bàn và có mạng truy cập internet: mạng có dây và mạng không dây (3G, 4G, Wifi).

- Xã có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống loa đến 100% số thôn trong xã, hệ thống loa hoạt động tốt để đảm bảo hiệu quả công tác tuyên truyền của Đài truyền thanh xã.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Về cơ sở vật chất, UBND xã Bằng Lãng có tổng số 19 máy vi tính cố định/19 CB,CC và người lao động; UBND xã sử dụng các phần mềm ứng dụng như: Hệ thống quản lý văn bản điều hành; hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước, hệ thống một cửa điện tử, trang thông tin điện tử xã...đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt trên 56%.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

Xã đạt chuẩn tiêu chí về Nhà ở dân cư khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu

- Không có nhà tạm, dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt từ 80% trở lên.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tổng số nhà ở dân cư trên địa bàn: 465; trong đó:

+ Trên địa bàn xã không có nhà tạm, dột nát.

+ Số lượng nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố*(Đảm bảo 3 cứng; Niên hạn sử dụng 20 năm; Công trình phụ trợ bố trí đảm bảo vệ sinh, phù hợp…..)* là 406 nhà, chiếm 87,3 %.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** Xã đạt chuẩn tiêu chí về Thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt mức quy định như sau:

- Năm 2023: đạt từ 42 triệu đồng/người.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Thu nhập bình quân đầu người/năm 2023: Đạt 42,29 triệu đồng.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.11. Tiêu chí số 11 –Nghèo đa chiều**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

Xã đạt chuẩn tiêu chí về Nghèo đa chiều khi có tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 của xã theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm đạt dưới mức 13,0%

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

*-* Kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm:

+ Tỉ lệ hộ nghèo là 23 hộ/465 hộ chiếm 4,94%.

+ Tỉ lệ hộ cận nghèo là 18 hộ/465 hộ chiếm 3,87%.

- Tỉ lệ nghèo đa chiều (hộ nghèo + cận nghèo) năm 2023 là: 41hộ/465 hộ chiếm 8,81%.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.12. Tiêu chí số 12 - Lao động**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

Xã đạt chuẩn tiêu chí về Lao động khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu

-Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt từ 70% trở lên.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt từ 20% trở lên.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

Tổng dân số trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã là 1405 người, số người có việc làm 1142 người chiếm tỉ lệ 81,2% trong tổng số lao động

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 1291 người chiếm 91,18%

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 301 người/1405 người, đạt 21,42%.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** Xã đạt chuẩn tiêu chí về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn khi đáp ứng đủ 05 yêu cầu:

**-** Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.

- Có Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Xã có 01 HTX Hoàng Huy (địa chỉ tại thôn Nà Duồng) thành lập năm 2023 và bước đầu đi vào hoạt động có hiệu quả.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững: *“Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Dưa chuột”* với HTX NN&DV Kiên Đài địa chỉ tại xã Kiên Đài huyện Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang; Hợp đồng liên kết sản xuất măng khô giữa HTX Hoàng Huy với các hộ dân.

- Đã thực hiện truy xuất nguồn gốc và sản xuất theo tiêu chuẩn An toàn thực phẩm đối với sản phẩm Măng Khô của HTX Hoàng Huy.

- Kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề gắn với hạ tầng bảo vệ môi trường: Trên địa bàn xã không có làng nghề truyền thống.

- UBND xã đã ban hành Quyết định số 8a/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 về việc thành lập tổ khuyến nông cộng đồng với 16 thành viên do đồng chí Phó chủ tịch UBND xã làm tổ trưởng, các đồng chí cán bộ, công chức xã và các ông, bà trưởng thôn, đến nay tổ vẫn đang hoạt động có hiệu quả.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.14. Tiêu chí số 14 -Giáo dục - Đào tạo.**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

Xã đạt chuẩn tiêu chí về Giáo dục và Đào tạo khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ, cụ thể:

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên.

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 3.

+ Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

+ Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại từ Khá trở lên.

- Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở

được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt từ 70% trở lên.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập Trung học cơ sở; xoá mù chữ:

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 là 32/32 trẻ, đạt 100%.

+ Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 3.

+ Xã đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 3.

+ Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá, xếp loại tốt.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS là 87/89 em đạt 100%. Số học sinh được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) có 82/89học sinh, đạt 92%.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.15. Tiêu chí số 15 - Y tế**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

Xã đạt chuẩn tiêu chí về Y tế khi đáp ứng đủ 04 yêu cầu

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt từ 90% trở lên.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt từ 24% trở xuống.

**- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt từ 50% trở lên.**

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

+ Số người dân có thẻ BHYT là 1.888 người, đạt tỷ lệ người 100%.

+ Năm 2022, xã đã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

+ Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng chiếm 4,7 %; Suy dinh dưỡng chiều cao chiếm 12,1%.

+ Tỷ lệ người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử: 93,2%

***c) Đánh giá:***Đạt

**16. Tiêu chí số 16 - Văn hoá.**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

Xã đạt chuẩn tiêu chí về Văn hóa khi có từ 80% thôn trở lên đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tỷ lệ thôn đạt chuẩn thôn văn hóa theo quy định năm 2023 là 10/10 thôn, đạt 100%.

- Hàng năm tổ chức đánh giá những tiêu chí xây dựng thôn nông thôn mới đạt được trong năm, đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện trong năm kế tiếp.

- Trong năm 2023 trên địa bàn xã không xảy ra tình trạng bạo lực gia đình.

***c) Đánh giá:***Đạt

**3.17. Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm.**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

Xã đạt chuẩn tiêu chí về Môi trường và an toàn thực phẩm khi đáp ứng đủ 12 yêu cầu

**-** Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, trong đó:

+ Xã không thuộc khu vực III đạt từ 30% trở lên (trong đó đạt từ 10% trở lên từ hệ thống cấp nước tập trung);

+ Xã khu vực III đạt từ 20% trở lên (trong đó đạt từ 10% trở lên từ hệ thống cấp nước tập trung);

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt từ 90% trở lên.

- Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt từ 2m2/người trở lên.

- Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

-Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt từ 70% trở lên.

- 100% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt từ 70% trở lên.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt từ 60% trở lên.

- 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt từ 30% trở lên.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt từ 30% trở lên.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước nước sạch theo quy định ≥30%

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Hiện nay tỷ lệ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh toàn xã là 100%. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn chưa đánh giá được do đang thực hiện kiểm tra chất lượng nước sau khi xử lý của công trình theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

- Trên địa bàn xã có 20/21 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đạt từ 95%.

- Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; Mỗi khu dân cư tập trung của thôn, xã có hệ thống tiêu thoát, nước mưa,nước thải, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: Dọc trục các tuyến đường xã, trục thôn liên thôn, đường nội đồng đều có hệ thống cây xanh bao phủ. Một số thôn đã triển khai thực hiện đường hoa để làm đẹp cho cảnh quan thôn bản như thôn Nà Khắt, Nà Loọc, Tổng Mụ, đoạn đường cạnh UBND xã. Tại các khu dân cư các hộ gia đình trồng các loại hoa cây cảnh xung quanh nhà ở đảm bảo đạt trên 70; Tại các hội trường thôn, khuôn viên cơ quan trường học có hệ thống hoa, cây cảnh, cây xanh…;Tất cả hệ thống kênh mương, đường giao thông thường xuyên được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ;Diện tích trồng cây xanh trên địa bàn xã đảm bảo ≥2m2/người.

- Mai táng, hỏa táng: Trên địa bàn xã không có nghĩa trang tập trung của xã, chủ yếu tự chôn cất trên phần đất vườn đồi của gia đình, hoặc khu đất nghĩa địa chung của thôn, bản. Việc an táng được thực hiện bằng hình thức chôn một lần và phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán,truyền thống văn hóa của địa phương và nếp sống văn minh hiện đại. Khoảng cách các khu vực chôn cất người chết đảm bảo khoảng cách an toàn xã khu dân cư tối thiểu là 500m, cách xa sông, suối, ao hồ trên 300m.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: Năm 2023 trên địa bàn xã phát sinh khoảng 219.850,5kg chất thải rắn, chất thải rắn sinh hoạt. Tỷ lệ được thu gom, xử lý đạt khoảng 89,45%.

- 100% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt và đảm bảo 3 sạch đạt 88,4% (410/464 hộ);

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt đạt 63,4% (116 hộ/183 hộ);

- Trên địa bàn xã có 15 hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, trong đó 100% tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm;

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Số hộ gia đình đăng ký thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, xử lý chất thải rắn năm 2023 trên địa bàn là 464 hộ. Qua rà soát thì tổng số hộ thực hiện tốt việc phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, xử lý chất thải rắn là 392 hộ đạt 84,48%.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Năm 2023 trên địa bàn xã phát sinh khoảng 219.850kg chất thải rắn, chất thải rắn sinh hoạt thì trong đó có khoảng 107.321 kg chiếm 48,8% chủ yếu là các chai lọ nhựa, túi nilon. Các loại chai lọ nhựa, túi nilon hầu hết đều được người dân thu gom để bán phế liệu hoặc giặt rửa sạch để tái sử dụng. Tỷ lệ thu gom, tái sử dụng, tái chế đạt 90,95%.

***c) Đánh giá:***Đạt

**18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

Xã đạt chuẩn tiêu chí về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật khi đáp ứng đủ 06 yêu cầu

**-** Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

- Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- 100% Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Xã có 19 cán bộ, công chức xã, 100 % đã đạt chuẩn theo quy định.

- Năm 2023, Đảng bộ và Chính quyền xã Bằng Lãng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ

- 100% Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 tại Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 của UBND huyện Chợ Đồn.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn:

+ Xã đã được Ban Thường vụ Huyện ủy Chợ Đồn phê duyệt quy hoạch các chức danh nữ lãnh đạo chủ chốt, giai đoạn 2020-2025 và giai đoạn 2025 - 2030 tại Quyết định số 1358-QĐ/HU và số 1359-QĐ/HU ngày 14/11/2022 (Văn bản quản lý ở chế độ Mật).

+ Có 8/16 phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường), chiếm 50%

+ Từ đầu năm 2023 đến nay xã không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn. Tỷ số giới tính khi sinh đạt: Trẻ nam 8/18 trẻ, chiếm 44,4%, trẻ nữ 10/18 trẻ, chiếm 55%.

+ Xã đã bố trí 01 người làm công tác bảo vệ trẻ em theo quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 củ a UBND xã Bằng Lãng;

+ Xã có Quyết định thành lập nhóm thường trực bảo vệ trẻ em năm 2023 tại quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 có 21 thành viên gồm: đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã làm trưởng nhóm, cán bộ, công chức xã, hiệu trưởng 02 trường học và các ông, bà trưởng thôn và ban hành quy chế làm việc của nhóm.

+ Trong năm không có vụ việc trẻ em bị xâm hại.

- Hàng năm, UBND xã phối hợp, cử học viên thuộc đối tượng tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về xây dựng nông thôn mới do cấp trên tổ chức.

***c) Đánh giá:***Đạt

**19.Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

Xã đạt chuẩn tiêu chí về Quốc phòng và An ninh khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu.

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.

- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***\* Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng:***

- Lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương (QP, QSĐP):

+ Hàng năm và đột xuất, Đảng uỷ, HĐND, UBND xã căn cứ Nghị quyết, Chit thị của cấp trên dã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng tại xã.

+ Ban hành Kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân giai đoạn 2021-2025 và năm 2023;

- Tổ chức Ban chỉ huy quân sự xã:

+ Ban chỉ huy quân sự xã có đủ 04 chức danh, đúng cơ cấu, đúng thành phần.

+ Chỉ huy trưởng và Phó chỉ huy trưởng có trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng, được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quan sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn theo quy định.

+ Ban chỉ huy quân sự xã được bố trí phòng làm việc riêng tại trụ sở UBND xã.

- Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN): Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4.

- Xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân:

+ Tổ chức biên chế đơn vị dân quân có 80 đồng chí. Tổ chức đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật đảm bảo theo quy định.

+ Xã chưa có tổ chức Chi bộ quân sự mà tổ chức sinh hoạt chung với các Chi bộ thôn.

+ Chất lượng chính trị: Tỷ lệ đảng viên trong dân quân có 20 đồng chí, chiếm 20,2 %; có 5 đồng chí thôn đội trưởng là đảng viên đạt 50%.

- Trong năm các đối tượng Dân quân được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo Kế hoạch số 35/KH-BCH ngày 28 tháng 02 năm 2023 về kế hoạch huấn luyện dân quân tự vệ năm 2023.

- Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Duy trì tốt hoạt động phối hợp của lực lượng Dân quân cấp xã với các lực lượng có liên quan: Thực hiện theo Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ và Quy chế, Kế hoạch phối hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức lực lượng Dân quân cấp xã tham gia làm nòng cốt trong Đội xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã có 28 đồng chí dân quân cơ động theo Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Bằng Lãng

- Tháng 4 hằng năm tổ chức tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV, xét duyệt, kết nạp dân quân mới cho 19 đồng chí và trao Quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành Nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân cấp xã cho 10 đồng chí theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên: Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật Lực lượng Dự bị động viên năm 2019; sẵn sàng động viên khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện công tác tuyển quân, tuyển sinh:

+ Đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ; năm 2023 hoàn thành 05 chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật.

+ Thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn hằng năm của Bộ Quốc phòng: Kế hoạch số 191/KH-HĐNVQS ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện Chợ Đồn, về việc triển khai công tác sơ khám sức khỏe và tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự và thực hiện nghĩa vụ Công an nhân dân có thời hạn năm 2023; Kế hoạch số 712/KH-HĐNVQS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc tuyển chọn gọi Công dân nhập ngũ năm 2023.

- Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại tố cáo: Thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng Dân quân theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND tỉnh Bắc Kạn; giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh, không xảy ra vụ việc khiếu nai, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương.

- Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng: Thực hiện theo quy định và theo thực tế nhiệm vụ kinh tế - xã hội tại địa phương.

 - Công tác tuyên truyền; thi đua, khen thưởng: Tổ chức tuyên truyền, vân động nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước trên hệ thống Loa truyền thanh của xã, khẩu hiệu và các buổi tuyên truyền lồng ghép với các buổi họp thôn trên toàn địa bàn xã. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân tham gia diễn tập phòng thủ dân sự.

***\* Đảm bảo an ninh trật tự xã hội trên địa bàn xã:***

- Đảng uỷ xã ban hành Nghị quyết chuyên đề, UBND xã xây dựng Kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

- Trên địa bàn xã không xảy ra các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự như: Chống đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc; phá hoại các mục tiêu công trình trọng điểm về kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng; Không có hoạt động tín ngưỡng, truyền đạo trái quy định của Pháp Luật

- Xã không có khiếu kiện đông người kéo dài, trái pháp luật.

- Trên địa bàn xã không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm phạm trẻ em.

- Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm so với năm trước, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, cháy nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước.

- Xã có mô hình tự quản "Hộ an toàn - thôn bản bình yên" tại 10/10 thôn.

- Xã Bằng Lãng không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

- Tập thể công an xã đạt Hoàn thành nhiệm vụ

***c) Đánh giá:***Đạt

**4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới:** Xã Bằng Lãng không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

**5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới:**

- Giao các cơ quan, đơn vị cấp huyệncăn cứ nhiệm vụ được phân công tại Văn bản số 1812/UBND-NNPTNT ngày 23/8/2022 của UBND huyện Chợ Đồn tiếp tục tham mưu, chủ động kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới đã được giao phụ trách, hướng dẫn và giúp đỡ xã hoàn thiện các tiêu chí theo quy định và củng cố chất lượng theo hướng đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình cơ sở hạ tầng đã được giao vốn đầu tư như Trường học, nhà văn hoá xã, nhà văn hoá thôn, đường giao thông nông thôn... hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra.

- Giao UBND xã Bằng Lãng :

+ Tổ chức đánh giá thực trạng và xây dựng kế hoạch thực hiện bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2023-2025. Định kỳ tổ chức họp Ban quản lý để quán triệt nhiệm vụ, đánh giá những nội dung công việc đã hoàn thành và chưa hoàn thành, từ đó đề ra giải pháp để thực hiện duy trì giữ vững và tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí đã hoàn thành đạt chuẩn.

+ Duy trì thực hiện công tác tuyên truyền trên địa bàn xã để toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ, hiểu đúng về xây dựng nông thôn mới, tập trung vào các tiêu chí không cần nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách như văn hoá, môi trường, an ninh trật tự... để xây dựng nông thôn mới trở thành nếp sống, thói quen của người dân địa phương.

+ Tiếp tục quan tâm định hướng, tuyên truyền, vận động người dân tham gia các dự án, mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp để đa dạng hoá sinh kế, tăng thu nhập; chỉ đạo, hỗ trợ Hợp tác xã trên địa bàn xã đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, hoạt động ngày càng có hiệu quả.

**II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:**

Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 của UBND xã Bằng Lãng đảm bảo đầy đủ theo quy định.

**2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới:**

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Bằng Lãng đã được UBND huyện Chợ Đồn thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

- Kết quả chấm điểm các tiêu chí nông thôn mới theo Hướng dẫn số 735/HD-UBDN ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn: Xã Bằng Lãng đạt **99,2/100** điểm, không có chỉ tiêu bị điểm liệt (0 điểm).

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới**

Xã Bằng Lãng không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới.

**III. KIẾN NGHỊ**

Đề nghị Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh xem xét, báo cáo UBND tỉnh Bắc Kạn tổ chức thẩm định, xét và công nhận xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2023 đối với xã Bằng Lãng , huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:****Gửi bản điện tử:*- UBND tỉnh (b/cáo);- VPĐPNTM tỉnh (b/cáo);- TT Huyện uỷ, HĐND huyện (b/cáo);- LĐ UBND huyện;- Các thành viên BCĐ;- UBND xã Bằng Lãng;- Lưu VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Đặng Đình Phong** |

|  |
| --- |
| **BẢNG CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI XÃ BẰNG LÃNG** |
| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Nội dung tiêu chí** |  **Chỉ tiêu** | **Điểm chuẩn** | **Kết quả thực hiện** | **Điểm tự chấm của xã** | **Điểm thẩm tra của huyện** | **Điểm thẩm định của tỉnh** |
| **I** | **QUY HOẠCH** |   | **3,0** |  | **3,0** | **3,0** |   |
| 1 | Quy hoạch | [1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Quyet-dinh-318-QD-TTg-2022-Bo-tieu-chi-quoc-gia-ve-xa-nong-thon-moi-2021-2025-505886.aspx#_ftn1) | Đạt | 1,5 | Chưa có QĐ phê duyệt đồ án | 1,5 | 1,5 |   |
| 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch | Đạt | 1,5 | Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung  | 1,5 | 1,5 |   |
| **II** | **HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI** | **34,0** |  | **33,5** | **34,0** |   |
| 2 | Giao thông  | 2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm | 100% | 2,0 | 100% | 2,0 | 2,0 |   |
| 2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, có đường xanh, sạch, đẹp | ≥ 80% | 2,0 | 100% | 2,0 | 2,0 |   |
| 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm, có đường xanh, sạch, đẹp | 100% trong đó tỷ lệ cứng hóa đạt ≥ 30% | 1,5 | 33,52 | 1,5 | 1,5 |   |
| 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm | ≥ 70% | 1,0 | trên 70% | 1,0 | 1,0 |   |
| 2.5. Có Tổ quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng đường ở từng thôn theo quy định | Đạt | 0,5 | Đạt | 0,5 | 0,5 |   |
| 3 | Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên | Đạt | 2,0 | Đạt | 2,0 | 2,0 |   |
| 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Đạt | 2,0 | Đạt | 2,0 | 2,0 |   |
| 4 | Điện | 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn | Đạt | 2,0 | Đạt | 2,0 | 2,0 |   |
| 4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn | ≥ 95% | 1,0 | 98,1% | 1,0 | 1,0 |   |
| 5 | Trường học | Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định |   | 4,0 |   |   |   |   |
|  *- Các xã có hơn 3 trường* | *100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1* |   |   |   |   |
|  *- Các xã có từ 3 trường trở xuống* | *100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1* | Có Trường Mầm non đạt chuẩn QG MĐ1 | 4,0 | 4,0 |   |
| 6 | Cơ sở vật chất văn hoá | 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã | Đạt | 3,0 | Có nhà văn hóa quy mô 100 chỗ ngồi | 3,0 | 3,0 |   |
| [6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Quyet-dinh-318-QD-TTg-2022-Bo-tieu-chi-quoc-gia-ve-xa-nong-thon-moi-2021-2025-505886.aspx#_ftn2) | Đạt | 1,0 | Sử dụng nhà VH thôn, sân thể thao thôn | 1,0 | 1,0 |   |
| 6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng | 100% | 2,0 | Có 10/10 nhà văn hóa thôn  | 1,5 | 2,0 |   |
| 7 | Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa | Đạt | 2,0 | Có cơ sở bán lẻ khác và cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định. | 2,0 | 2,0 |   |
| 8 | Thông tin và Truyền thông | 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính | Đạt | 1,0 | có điểm phục vụ bưu chính | 1,0 | 1,0 |   |
| 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet | Đạt | 1,0 |  có dịch vụ viễn thông, internet | 1,0 | 1,0 |   |
| 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn | Đạt | 1,0 | có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn | 1,0 | 1,0 |   |
| 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành | Đạt | 1,0 | có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành | 1,0 | 1,0 |   |
| 9 | Nhà ở dân cư | 9.1. Nhà tạm, dột nát | Không | 2,0 | Không | 2,0 | 2,0 |   |
| 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố | ≥80 | 2,0 | 87,30% | 2,0 | 2,0 |   |
| **III** | **KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT** | **21,0** |  | **20,0** | **20,5** |   |
| 10 | Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người | Năm 2022 | ≥39 | 5,0 |   |   |   |   |
| Năm 2023 | ≥42 | 42,29 | 5,0 | 5,0 |   |
| Năm 2024 | ≥45 |   |   |   |   |
| Năm 2025 | ≥48 |   |   |   |   |
| 11 | Nghèo đa chiều | Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 | ≤ 13 | 5,0 | 4,95% | 5,0 | 5,0 |   |
| 12 | Lao động | 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥70% | 2,0 | 91,19 | 2,0 | 2,0 |   |
| 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥20% | 2,0 | 21,42 | 2,0 | 2,0 |   |
| 13 | Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã | Đạt | 2,0 | HTX mới thành lập và hoạt động dưới 01 năm | 1,0 | 1,5 |   |
| 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững | Đạt | 2,0 | Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững | 2,0 | 2,0 |   |
| 13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương | Đạt | 1,0 | Có sản phẩm truy xuất nguồn gốc và SX theo ATTP | 1,0 | 1,0 |   |
| 13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường | Đạt | 1,0 | không có làng nghề truỳen thống | 1,0 | 1,0 |   |
| 13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả | Đạt | 1,0 | Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả | 1,0 | 1,0 |   |
| **IV** | **VĂN HÓA- XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG** | **26,0** |  | **26,0** | **26,0** |   |
| 14 | Giáo dục và Đào tạo | 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ |   | 3,0 |   | 3,0 | 3,0 |   |
|  *- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi* | *Đạt* | 0,5 | *Đạt* | 0,5 | 0,5 |   |
|  *- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2*  | *Đạt* | 0,5 | *Đạt* | 0,5 | 0,5 |   |
|  *- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1* | ≥ 98% | 0,5 | 98% trở lên | 0,5 | 0,5 |   |
|  *- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2* | *Đạt* | 0,5 | Đạt | 0,5 | 0,5 |   |
|  *- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2* | *Đạt* | 0,5 | Đạt | 0,5 | 0,5 |   |
|  *- Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại* | *Khá* | 0,5 | Đạt | 0,5 | 0,5 |   |
| 14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) | ≥70% | 3,0 | 92% | 3,0 | 3,0 |   |
| 15 | Y tế | 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥90% | 1,0 | 100% | 1,0 | 1,0 |   |
| 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế | Đạt | 2,0 | Đạt | 2,0 | 2,0 |   |
| 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) | ≤24% | 1,0 | 4,70% | 1,0 | 1,0 |   |
| 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử | ≥50% | 1,0 | 93,2% | 1,0 | 1,0 |   |
| 16 | Văn hoá | Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới | ≥80% | 3,0 | 100% | 3,0 | 3,0 |   |
| 17 | Môi trường và an toàn thực phẩm | 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn | Xã không thuộc khu vực III | ≥30% (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung) | 1,0 |   | 1,0 | 1,0 |   |
| Xã khu vực III | ≥20% (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung) | 100% |   |
| 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường | ≥90% | 1,0 | 100% | 1,0 | 1,0 |   |
| 17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | Đạt | 1,0 | Đạt | 1,0 | 1,0 |   |
| 17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | ≥2m2/người | 1,0 | Đạt | 1,0 | 1,0 |   |
| 17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch | Đạt | 1,0 | Đạt | 1,0 | 1,0 |   |
| 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định | ≥70% | 1,0 | 89,45% | 1,0 | 1,0 |   |
| 17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường | 100% | 1,0 | 100% | 1,0 | 1,0 |   |
| 17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch  | ≥70% | 1,0 | 100% | 1,0 | 1,0 |   |
| 17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | ≥60% | 1,0 | 63,40% | 1,0 | 1,0 |   |
| 17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% | 1,0 | 100% | 1,0 | 1,0 |   |
| 17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn | ≥30% | 1,0 | 84,48% | 1,0 | 1,0 |   |
| 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định | ≥30% | 1,0 | 91% | 1,0 | 1,0 |   |
| **V** | **HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ** | **16,0** |  | **16,0** | **15,7** |   |
| 18 | Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật | 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn | Đạt | 3,0 | Đạt 19/19 CB,CC | 3,0 | 3,0 |   |
| 18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | Đạt | 2,0 | Đạt | 2,0 | 2,0 |   |
| 18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | 100% | 1,0 | 100% | 1,0 | 1,0 |   |
| 18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định | Đạt | 1,5 | Đạt | 1,5 | 1,5 |   |
| 18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội | Đạt | 1,5 | Đạt | 1,5 | 1,5 |   |
| 18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn | Đạt | 1,0 | Đạt | 1,0 | 1,0 |   |
| 19 | Quốc phòng và An ninh | 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng | Đạt | 3,0 | Đạt | 3,0 | 3,0 |   |
| 19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Đạt | 3,0 | Tập thể CA Hoàn thành nhiệm vụ | 3,0 | 2,7 |   |
| **TỔNG CỘNG** |   | **100** |  | **98,5** | **99,2** |   |